

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06-01-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Thỏ
- Bà Đàm Thị Thanh Loan

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Thạch Sơn Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân
Khu vực 7 – Cần Thơ.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Cần
Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 83/2025/TLST-
HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly
hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày
27 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lâm H, sinh năm: 1993; địa chỉ: Khu V, phường M,
thành phố Cần Thơ. Căn cước công dân số 094093xxxxxx, cấp ngày 12/8/2021
(có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1998; địa chỉ: Khu V, phường
M, thành phố Cần Thơ. Căn cước công dân số 094198xxxxxx, cấp ngày
08/11/2024 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2025, nguyên đơn anh Lâm
H trình bày:*

Anh H và chị N tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân
dân vào ngày 15-02-2017. Kể từ khi sống chung và kết hôn, anh H và chị N có
cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng nay phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường
xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không
còn hạnh phúc. Trong thời gian hôn nhân, anh H và chị N có một con chung tên

Lâm Hoàng B, sinh ngày 04/10/2017 hiện đang sống cùng anh H. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Anh Lâm H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ N.

- Về con chung: Yêu cầu giao con chung tên Lâm Hoàng B, sinh ngày 04/10/2017 cho anh Lâm H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh H không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị Nguyễn Thị Mỹ N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lâm H, không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lâm H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Lâm H khởi K chị Nguyễn Thị Mỹ N để yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung, nhưng không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Cần Thơ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lâm H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm H và chị Nguyễn Thị Mỹ N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã đúng theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*”. Như vậy, anh Lâm H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ N theo quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của anh Lâm H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lâm H trình bày sau khi kết hôn, anh Lâm H và chị Nguyễn Thị Mỹ N sống chung hạnh phúc một thời gian thì phát sinh nhiều

mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và hiện nay không còn sống chung. Ngày 21/11/2025, Tòa án đã tổ chức hòa giải, động viên hàn gắn tình cảm, để anh Lâm H và chị Nguyễn Thị Mỹ N đoàn tụ với nhau, nhưng chị Nguyễn Thị Mỹ N không đến tham gia phiên hòa giải, đồng thời, anh Lâm H yêu cầu không tiến hành hòa giải và tại Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt cũng thể hiện ý kiến giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân cần phải được xây dựng trên sự tự nguyện của cả hai, nhưng giữa anh Lâm H và chị Nguyễn Thị Mỹ N đã có một trong hai bên không đồng ý. Mặt khác, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, chị Nguyễn Thị Mỹ N cũng không có văn bản nêu ý kiến về việc anh Lâm H yêu cầu ly hôn, nên có cơ sở xác định giữa chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Lâm H không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Lâm H đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*. Do vậy, yêu cầu ly hôn của anh Lâm H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, anh Lâm H và chị Nguyễn Thị Mỹ N có một người con chung tên Lâm Hoàng B, sinh ngày 04/10/2017, hiện tại cháu B đang sống cùng anh Lâm H. Theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền, nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lâm H và chị Nguyễn Thị Mỹ N không có thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung, nhưng kể từ khi anh Lâm H và chị Nguyễn Thị Mỹ N không còn sống chung thì cháu Lâm Hoàng B sống cùng với anh Lâm H đều bảo đảm về mọi mặt, đồng thời, qua tham khảo ý kiến cháu B có nguyện vọng sống cùng anh Lâm H và chị Nguyễn Thị Mỹ N cũng không có ý kiến phản đối việc giao con chung cho anh Lâm H tiếp tục nuôi dưỡng. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Lâm H là giao cháu Lâm Hoàng B, sinh ngày 04/10/2017 cho anh Lâm H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi; chị Nguyễn Thị Mỹ N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng, theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”*. Xét thấy, kể từ khi anh Lâm H và chị Nguyễn Thị Mỹ N không

còn sống chung, cháu Lâm Hoàng B, sinh ngày 04/10/2017 sống cùng với anh Lâm H đảm B1 quyền lợi về mọi mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lâm H cũng không có yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ N cấp dưỡng nuôi con chung. Từ đó, có căn cứ cho rằng anh Lâm H có đầy đủ các điều kiện kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đảm bảo các quyền lợi về mọi mặt nên Hội đồng xét xử quyết định chị Nguyễn Thị Mỹ N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lâm H và chị Nguyễn Thị Mỹ N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm, anh Lâm H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lâm H .

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ N.

2. Về con chung: Giao cho anh Lâm H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lâm Hoàng B, sinh ngày 04/10/2017 cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi. Chị Nguyễn Thị Mỹ N không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Lâm H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005735 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Anh Lâm H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- TAND TP Cần Thơ;
- UBND phường M, TP Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Luân